

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 24 – 3 – 2021
V/v tranh chấp vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 195/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp I, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 75 đường M, Khóm 10, Phường 1, thành phố N, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Gia Bảo E, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 75 đường M, Khóm 10, Phường 1, thành phố N, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc C và anh Nguyễn Gia Bảo E là: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp K, thị trấn L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 75 đường M, Khóm 10, Phường 1, thành phố N, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, trình bày: Vào ngày 30/10/2016 âm lịch, bà Nguyễn Ngọc C có vay của bà B số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 10%/tháng, không thỏa thuận cụ thể thời hạn thanh toán trả tiền gốc. Sau đó 01 ngày (ngày 01/11/2016 âm lịch), bà C tiếp tục hỏi vay của bà B số tiền 20.000.000 đồng dùng cho bà Nguyễn Ngọc D để mua máy photocopy; lãi suất 10%/tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc. Một tháng sau khi vay tiền, bà C thanh toán được 2.000.000 đồng tiền lãi; sau đó bà C không tiếp tục trả tiền lãi cho bà B, đến ngày 01/6/2018 âm lịch bà B tính tiền lãi của bà C là 6.000.000 đồng nên bà B nhập vào tiền gốc 40.000.000 đồng thành 46.000.000 đồng và cho bà C trả góp hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng x 6 tháng = 18.000.000 đồng. Nay bà B yêu cầu bà C, chị D và anh E cùng có nghĩa vụ thanh toán 28.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 01/6/2019 âm lịch đến ngày 30/8/2020 âm lịch theo mức lãi suất là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) là 15 tháng x 28.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 7.000.000 đồng; tổng cộng vốn, lãi là 35.000.000 đồng và bà B yêu cầu bà C trả tiền lãi từ ngày 01/9/2020 âm lịch cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà B nhiều lần, cụ thể:

Vào cuối năm 2016 âm lịch, bà C vay của bà B số tiền 10.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng, mức lãi suất 10%/tháng, khi vay hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có viết biên nhận, bà C đã trả lãi đầy đủ hàng tháng cho bà B. Khoảng 02 tháng sau, bà C tiếp tục vay của bà B 20.000.000 đồng tiền ngày, mức lãi suất 100.000 đồng/ngày, khi vay không có viết biên nhận; bà C đã thanh toán đầy đủ tiền lãi cho bà B. Bà C đã thanh toán xong cho bà B 10.000.000 đồng tiền tháng và 10.000.000 đồng tiền ngày. Còn nợ lại bà B 10.000.000 đồng tiền ngày, bà C tiếp tục trả tiền lãi cho bà B thêm khoảng 5 – 6 tháng tiền lãi; đến gần tết Nguyên đán năm 2017, bà C vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng bà C nợ bà B 20.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 100.000 đồng/ngày. Mục đích các lần vay tiền của bà B là để trả tiền nợ mua vật tư xây dựng nhà và đóng tiền hụi. Sau khi vay tiền, bà C đã đóng lãi đến ngày 01/6/2018 âm lịch thì ngưng không tiếp tục trả tiền lãi cho bà B. Bà B tính tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng x 5 tháng = 15.000.000 đồng, bà B nhập tiền nợ lãi vào tiền vốn 20.000.000 đồng thành 35.000.000 đồng, bà B yêu cầu bà C trả tiền lãi 175.000 đồng/ngày, bà C tiếp tục trả lãi được khoảng 02 tháng đến 03 tháng thì ngưng trả lãi từ khoảng tháng 12 năm 2018. Đến ngày 01/6/2019 âm lịch, bà B chốt lại nợ bà C còn nợ bà B 46.000.000 đồng, bà B yêu cầu bà C trả góp 100.000 đồng/ngày (3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi dứt nợ. Bà C trả góp được 05 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 15.000.000 đồng (vào các tháng 6, 7, 8, 9, 10), tháng 11, 12 không trả, ngày 01/4/2020 trả thêm 1.000.000 đồng, đến tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2020 trả thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng là 18.000.000 đồng. Hiện bà C còn nợ bà B 28.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà B số tiền 28.000.000 đồng với hình thức trả góp 50.000 đồng/ngày cho đến khi trả hết số tiền nợ trên cho bà B nhưng bà B không đồng ý nên khởi kiện bà ra Tòa án. Nay bà C chỉ đồng

ý trả cho bà B số tiền 28.000.000 đồng, không đồng ý tiếp tục trả lãi cho bà B do bà C đã trả lãi quá nhiều cho bà B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc D trình bày:* Chị D không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với chị D do chị D không có nhờ bà C vay tiền dùng cho chị D để chị D mua máy photocopy như bà B trình bày. Chị D xác định các khoản vay mà bà B yêu cầu khởi kiện là của bà C trực tiếp vay của bà B. Khi bà B yêu cầu bà C trả tiền lãi quá nhiều, bà C không có khả năng trả nợ cho bà B nên chị D có gọi điện thoại cho bà B để yêu cầu bà B nhận chuyển nhượng phần đất của gia đình bà C để trừ nợ nhưng bà B không đồng ý. Chị D thừa nhận giọng nói trong file ghi âm do bà B cung cấp cho Tòa án là giọng nói của chị D nhưng thời điểm bà B ghi âm là lúc chị D thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà B để bà C thanh toán nợ cho bà B, nội dung ghi âm không phải ghi lại thời điểm bà B cho bà C vay tiền và cũng không có thể hiện nội dung chị D vay tiền của bà B. Ngoài ra, chị D không còn ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Gia Bảo E trình bày:* Anh E xác định không có liên quan đến khoản tiền nợ của bà C đối với bà B nên anh E không đồng ý cùng với bà C và chị D thanh toán số tiền nợ tiền nêu trên cho bà B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa về Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc kiểm soát chương trình phiên tòa vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Ngọc C về việc tranh chấp vay tài sản. Buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà B số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/6/2019 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1.125%/tháng với số tiền 15.616.875 đồng – 5.000.000 đồng tiền lãi đã thanh toán = 10.616.875 đồng + 25.000.000 đồng tiền gốc = 35.616.875 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng và yêu cầu chị D, anh E cùng có nghĩa vụ với bà C thanh toán số tiền nợ nêu trên cho bà B. Về án phí dân sự sơ thẩm, bà B và bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện bà Nguyễn Ngọc C yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay vào cuối năm 2016 chưa thanh toán. Đây là tranh chấp vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà C đang cư trú tại ấp I, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, bà B yêu cầu bà C thanh toán số tiền nợ gốc là 28.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/6/2019 âm lịch đến ngày 30/8/2020 âm lịch $\times 15$ tháng $\times 1.66\%/tháng = 7.000.000$ đồng. Tổng cộng tiền gốc, lãi là 35.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/9/2020 âm lịch cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, bà B thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà C thanh toán số tiền nợ gốc là 31.000.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu tiền lãi nêu trên. Xét thấy, việc bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét giao dịch vay tài sản giữa bà B với bà C, Hội đồng xét xử xét thấy, bà B cho bà C vay tiền chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ nhưng bà C thừa nhận từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017 âm lịch, bà C nhiều thực hiện giao dịch vay tiền của bà B, và đã thanh toán tiền gốc, lãi cho bà B nhiều lần, hiện còn nợ bà B số tiền nợ gốc là 28.000.000 đồng, bà C đồng ý thanh toán cho bà B số tiền 28.000.000 đồng nêu trên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thừa nhận của bà C, thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền 28.000.000 đồng nêu trên là bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi do các bên thỏa thuận nhập chung vào nhau nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận số tiền nợ gốc mà bà C nợ bà B là 28.000.000 đồng; mà có căn cứ xác định số tiền nợ gốc theo sự thừa nhận của bà B tại phiên tòa là 40.000.000 đồng, bà C đã thanh toán cho bà B số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng nên số tiền nợ gốc mà bà C còn nợ bà B là 25.000.000 đồng.

[5] Bà C thừa nhận nhiều lần vay tiền của bà B, mỗi lần vay từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng như phần trình bày của bà C nêu trên, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, bà C đã thanh toán cho bà B được 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi; sau đó bà C không tiếp tục thanh toán tiền lãi nên bà B tính tiền lãi cho bà C đến ngày 01/6/2019 âm lịch là 6.000.000 đồng và nhập vào tiền gốc là 46.000.000 đồng; bà B yêu cầu bà C trả góp 100.000 đồng/ngày (3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi dứt nợ. Bà C trả góp được 05 tháng $\times 3.000.000$ đồng/tháng $= 15.000.000$ đồng (vào các tháng 6, 7, 8, 9, 10 năm 2019), các tháng 11, 12 năm 2019 âm lịch không trả, ngày 01/4/2020 trả thêm 1.000.000 đồng, đến tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2020 trả thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng là 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền 3.000.000 đồng mà bà C đã thanh toán cho bà B không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh là tiền gốc hay tiền lãi nên cần chấp nhận sự thừa nhận của bà B, xác định số tiền 3.000.000 đồng mà bà C đã thanh toán cho bà B là tiền lãi, không phải tiền gốc.

[6] Về lãi suất, bà B và bà C đều thống nhất xác định hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 10%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm bà B cho bà C vay tiền là 9%/năm bằng $0,75\%/tháng \times 150\% = 1.125\%/tháng$. Bà B thừa nhận bà C đã trả lãi cho bà

B từ khi vay tiền (ngày 30/10/2016 âm lịch và ngày 01/11/2016 âm lịch (phù hợp với lời khai của bà C) đến ngày 01/6/2019 âm lịch được số tiền 5.000.000 đồng, theo mức lãi suất 10%/tháng là vượt quá mức quy định của pháp luật về lãi suất nên cần phải điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật là 1.125%/tháng, tính từ ngày 30/10/2016 âm lịch (nhằm ngày 28/11/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/3/2021 (nhằm ngày 12/02/2021 âm lịch) đối với số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2016 âm lịch (nhằm ngày 29/11/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/3/2021) là 15.616.875 đồng – 5.000.000 đồng tiền lãi đã thanh toán = 10.616.875 đồng + 25.000.000 đồng tiền gốc = 35.616.875 đồng.

[7] Tiền gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà B tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.874.693 đồng. Như đã phân tích nêu trên, chỉ có căn cứ chấp nhận tiền gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà B là 35.616.875 đồng, nên số tiền lãi mà bà B yêu cầu bà C thanh toán không được chấp nhận là 1.257.818 đồng.

[8] Bà B cung cấp các file ghi âm giọng nói của chị D nhằm xác định chị D có liên quan đến số tiền nợ nêu trên của bà C nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D và anh E cùng có nghĩa vụ với bà C thanh toán cho bà B số tiền nợ nêu trên. Xét thấy, các file ghi âm do bà B cung cấp được chị D thừa nhận giọng nói là của chị D nên không cần phải giám định giọng nói theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nội dung các file ghi âm không thể hiện được chị D có vay tiền của bà B, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B đối với chị D và anh E về việc buộc chị D và anh E cùng có nghĩa vụ với bà C thanh toán số tiền nợ nêu trên cho bà B.

[9] Về án phí:

[9.1] Yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà C được Tòa án chấp nhận một phần nên bà C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho bà B bằng $5\% \times 35.616.875 \text{ đồng} = 1.780.843 \text{ đồng}$, nhưng bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà C được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9.2] Bà B yêu cầu bà C thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng, chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất 1.125%/tháng với số tiền không được chấp nhận là 1.257.818 đồng; ngoài ra, bà B còn yêu cầu chị D và anh E cùng có nghĩa vụ với bà C thanh toán nợ cho bà B không được chấp nhận nên bà B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm bằng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 869.000 đồng theo Biên lai số 0008335 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu; bà B được hoàn lại số tiền chênh lệch là 569.000 đồng.

[10] Như đã phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Ngọc C về việc tranh chấp vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền 35.616.875 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi là 10.616.875 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà C về việc yêu cầu bà C thanh toán số tiền lãi 1.257.818 đ ở ng ừ khơng chấ p nhậ n ỹu cầ u củ a ầ B đ ố i vớ i chị D ừ anh E về việ c ỹu cầ u chị D ừ anh E ứ ng cĩ nghĩ a vụ vớ i ầ C thanh tốn số tiề n nợ ầ u tạ i mụ c 2 củ a Quyế t đ ị nh ỹy.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà C. Bà B phải nộp 300.000 đồng, như ng đ ư ợ c trừ vồ số tiề n tạ m ứ ng ấ n đ n sự sớ thắ m đ ấ nộ p ầ 1869.000 đ ở ng theo Bín lai số 0008335 ngày 23/10/2020 củ a Chi cộ c Thi hính ấ n đ n sự huyệ n A, tỉ nh Bạ c Liú; ầ B đ ư ợ c hồn lạ i số tiề n chñh lệ ch ầ 569.000 đ ở ng.

6. Trư ờ ng hợ p Bả n ấ n đ ư ợ c thi hính theo quy đ ị nh tạ i Đ iề u 2 Luậ t Thi hính ấ n đ n sự thì ngư ờ i đ ư ợ c thi hính ấ n đ n sự , ngư ờ i phả i thi hính ấ n đ n sự cĩ quyề n thỏ a thuậ n thi hính ấ n, quyề n ỹu cầ u thi hính ấ n, tự nguyệ n thi hính ấ n hoặ c bị cữ ờ ng chế thi hính ấ n theo quy đ ị nh tạ i cắ đ iề u 6, 7, 7a vầ 9 Luậ t Thi hính ấ n đ n sự ; thờ i hiệ u thi hính ấ n đ ư ợ c thự c hiệ n theo quy đ ị nh tạ i Đ iề u 30 Luậ t Thi hính ấ n đ n sự .

7. Về quyề n kố ng cớ : Đ ư ợ ng sự cĩ quyề n ầ m đ ợ n kố ng cớ trong thờ i hậ n 15 (mư ờ i lầ m) ngày, kể từ ngày tuỷ n ầ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Tính